

# **Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 48

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 141/QĐ-SDGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nuôi trồng và chế biến hải sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; kinh doanh bã đậu nành và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	
Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Kim Phụng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Nam Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên	
Ông Lô Bằng Giang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Nhân Vương	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Minh Phương	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2017
Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Dương Ngọc Minh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60859962/19356028/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty"), được lập vào ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 20.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và việc Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện kế hoạch khắc phục việc lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đề ngày 30 tháng 7 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ý kiến soát xét của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Số liệu so sánh được trình bày ở cột kỳ trước là số liệu cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, chưa được kiểm toán hoặc soát xét.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.719.295.513.004</b>	<b>7.198.410.330.535</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>94.179.024.802</b>	<b>181.160.868.991</b>
111	1. Tiền		59.179.024.802	146.160.868.991
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.000.000.000	35.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.261.107.070.171</b>	<b>4.560.918.122.703</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.683.064.298.080	4.057.406.671.179
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	283.780.415.815	228.480.617.379
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	592.916.768.441	567.905.591.739
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(298.654.412.165)	(292.874.757.594)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>2.181.990.846.837</b>	<b>2.291.398.788.152</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.181.990.846.837	2.303.631.022.819
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(12.232.234.667)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>182.018.571.194</b>	<b>164.932.550.689</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	414.351.006	2.305.980.712
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		118.496.774.970	110.968.205.048
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		63.107.445.218	51.658.364.929
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.880.853.421.483</b>	<b>2.804.396.001.462</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>21.297.914.500</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	21.297.914.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>118.821.595.473</b>	<b>134.492.172.657</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	116.983.854.665	132.579.312.233
222	Nguyên giá		350.360.519.782	350.360.519.782
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(233.376.665.117)	(217.781.207.549)
227	2. Tài sản cố định vô hình		1.837.740.808	1.912.860.424
228	Nguyên giá		3.031.510.726	3.031.510.726
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.193.769.918)	(1.118.650.302)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>64.285.560.966</b>	<b>64.285.560.966</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		64.285.560.966	64.285.560.966
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.614.537.746.438</b>	<b>2.498.937.746.438</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	2.146.515.714.097	2.105.015.714.097
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	470.042.400.000	395.942.400.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	34.930.400.000	34.930.400.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(36.950.767.659)	(36.950.767.659)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>83.208.518.606</b>	<b>85.382.606.901</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	41.406.678.957	43.176.631.149
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.4	41.801.839.649	42.205.975.752
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.600.148.934.487</b>	<b>10.002.806.331.997</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.747.904.039.382</b>	<b>8.112.372.348.956</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.747.375.614.432</b>	<b>7.762.278.843.984</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.377.199.382.197	3.521.236.909.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	35.942.626.646	560.165.802.047
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	724.553.167	5.121.701.481
314	4. Phải trả người lao động	16	3.420.048.497	1.519.237.657
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	77.063.597.280	103.339.080.512
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	228.389.864.024	196.763.355.698
320	7. Vay ngắn hạn	19	3.026.567.722.434	3.376.064.937.149
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.932.179.813)	(1.932.179.813)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>528.424.950</b>	<b>350.093.504.972</b>
338	1. Vay dài hạn	19	-	349.538.544.022
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		528.424.950	554.960.950
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.852.244.895.105</b>	<b>1.890.433.983.041</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>1.852.244.895.105</b>	<b>1.890.433.983.041</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.270.391.980.000	2.270.391.980.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		2.270.391.980.000	2.270.391.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.796.819.000	62.796.819.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.963.000.000)	(50.963.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.688.254.234	3.688.254.234
421	5. Lỗ lũy kế		(433.669.158.129)	(395.480.070.193)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(395.480.070.193)	(339.657.185.545)
421b	- Lỗ sau thuế kỳ này		(38.189.087.936)	(55.822.884.648)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.600.148.934.487</b>	<b>10.002.806.331.997</b>



Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	6.334.398.396.396	6.101.675.405.311
02	2. Các khoản giảm trừ	21.1	(71.317.715.514)	(13.771.974.077)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	6.263.080.680.882	6.087.903.431.234
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(6.120.894.312.235)	(5.818.597.255.158)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.186.368.647	269.306.176.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	224.773.645.562	125.575.722.353
22	7. Chi phí tài chính	23	(196.598.311.197)	(219.152.393.771)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(134.941.546.744)	(168.930.424.391)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(156.100.807.518)	(188.119.362.819)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(47.375.288.817)	(36.689.389.408)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(33.114.393.323)	(49.079.247.569)
31	11. Thu nhập khác		338.633.382	1.381.665.454
32	12. Chi phí khác		(5.009.191.892)	(699.883.968)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(4.670.558.510)	681.781.486
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(37.784.951.833)	(48.397.466.083)
51	15. Chi phí thuế TNDN	26.1	-	-
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.4	(404.136.103)	6.219.964.104
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(38.189.087.936)	(42.177.501.979)

Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(37.784.951.833)</b>	<b>(48.397.466.083)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		15.670.577.184	17.356.353.907
03	(Hoàn nhập các khoản dự phòng dự phòng)		(6.452.580.096)	1.851.010.927
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.321.230.372)	(2.768.357.901)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(190.024.225.361)	(84.608.336.025)
06	Chi phí lãi vay	23	134.941.546.744	168.930.424.391
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(88.970.863.734)</b>	<b>52.363.629.216</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		330.332.182.808	(375.903.137.173)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		121.640.175.982	(277.714.216.252)
11	Tăng các khoản phải trả		340.726.415.922	1.223.643.526.364
12	Giảm chi phí trả trước		3.661.581.898	1.301.890.358
14	Tiền lãi vay đã trả		(140.261.965.284)	(181.463.675.763)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(201.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>567.127.527.592</b>	<b>442.027.016.750</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		-	(55.617.763.237)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	1.025.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(119.600.000.000)	(160.947.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		161.842.670.706	73.054.378.669
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>46.242.670.706</b>	<b>(142.485.384.568)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(50.963.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	19	4.092.135.756.879	5.837.055.639.693
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(4.792.624.160.943)	(6.295.792.208.956)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(700.488.404.064)</b>	<b>(509.699.569.263)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(87.118.205.766)	(210.157.937.081)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		181.160.868.991	444.025.801.044
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		136.361.577	(1.066.929.081)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	94.179.024.802	232.800.934.882



Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 141/QĐ-SDGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là nuôi trồng và chế biến hải sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; kinh doanh bã nành và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 739 người (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 688 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 38.189.087.936 VND. Cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 433.669.158.129 VND và tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.028.080.101.428 VND. Tuy nhiên, bao gồm trong tổng nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.747.375.614.432 VND, số tiền phải trả cho các bên liên quan của Công ty là 3.129.599.958.638 VND (*Thuyết minh số 27*).

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã lập lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Bên cạnh đó, các bên liên quan của Công ty cũng cam kết rằng họ sẽ không yêu cầu Công ty thanh toán cho các khoản nợ đã đề cập trên cho đến khi trách nhiệm pháp lý cho các bên thứ ba được giải quyết. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 30 tháng 7 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.3 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo giữa niên độ này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.5 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9.

### 2.6 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và tương đương tiền*

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	41 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	6 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	3 năm
Tài sản khác	3 năm

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát, được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của chín tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.15 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Tiền mặt	16.862.510.604	4.687.141.097
Tiền gửi ngân hàng	42.316.514.198	141.473.727.894
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	35.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.179.024.802</b>	<b>181.160.868.991</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi đang áp dụng.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19.1*, Công ty đã thế chấp các khoản tương đương tiền trị giá 35 tỷ VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.683.064.298.080</b>	<b>4.057.406.671.179</b>
Bên khác	2.511.018.632.390	1.853.759.129.083
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.172.045.665.690	2.203.647.542.096
<b>Dài hạn</b>	-	<b>21.297.914.500</b>
Bên khác	-	21.297.914.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.683.064.298.080</b>	<b>4.078.704.585.679</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(287.500.829.681)	(282.187.072.355)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>3.395.563.468.399</b>	<b>3.796.517.513.324</b>

Chi tiết của các khoản phải thu của khách hàng được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Khách hàng trong nước	2.278.124.480.441	2.930.461.606.256
Khách hàng nước ngoài	1.404.939.817.639	1.148.242.979.423
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.683.064.298.080</b>	<b>4.078.704.585.679</b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>Đô la Mỹ ("USD")</i>	61.884.257	48.615.062
<i>Euro ("EUR")</i>	7.037	7.037

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19.1*, Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
Số đầu kỳ	282.187.072.355	221.970.576.441
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.313.757.326	10.107.024.639
Số cuối kỳ	<u>287.500.829.681</u>	<u>232.077.601.080</u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Bên khác, trong đó:	276.530.415.815	189.561.620.147
<i>Công ty Glencore Grain B.V Blaak</i>	132.198.207.391	-
<i>Ông Châu Duy Cường</i>	24.033.834.518	33.195.356.518
<i>Ông Võ Văn Phong</i>	10.656.480.283	34.524.298.983
<i>Khác</i>	109.641.893.623	121.841.964.646
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	7.250.000.000	38.918.997.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>283.780.415.815</u></b>	<b><u>228.480.617.379</u></b>

Chi tiết của các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Nhà cung cấp trong nước	139.614.184.637	201.138.941.587
Nhà cung cấp nước ngoài	144.166.231.178	27.341.675.792
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>283.780.415.815</u></b>	<b><u>228.480.617.379</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	6.257.022	1.223.889
<i>EUR</i>	64.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Tạm ứng hoàn lại phải thu	378.288.244.230	401.698.149.060
Cổ tức phải thu	97.168.437.265	65.673.686.947
Ký quỹ cho khoản vay	22.419.703.153	21.971.214.506
Chi hộ	18.033.813.599	160.600.614
Khác	77.006.570.194	78.401.940.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>592.916.768.441</b>	<b>567.905.591.739</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.153.582.484)	(10.687.685.239)
<b>PHẢI THU THUẬN</b>	<b>581.763.185.957</b>	<b>557.217.906.500</b>
Trong đó:		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	523.490.975.852	497.532.917.379
<i>Bên khác</i>	69.425.792.589	70.372.674.360

**8. NỢ QUÁ HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 30 tháng 9 năm 2016			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
Grupo Amatista	58.195.082.000	58.195.082.000	-	57.092.708.200	57.092.708.200	-	
K&M Seafood Products							
Mmexico	57.432.316.600	46.314.412.750	11.117.903.850	56.306.440.790	45.437.091.275	10.869.349.515	
Blue IS INC	44.783.401.035	44.783.401.035	-	43.935.081.104	43.935.081.104	-	
Khác	494.453.644.519	149.361.516.380	345.092.128.139	564.710.817.567	146.409.877.015	418.300.940.552	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>654.864.444.154</b>	<b>298.654.412.165</b>	<b>356.210.031.989</b>	<b>722.045.047.661</b>	<b>292.874.757.594</b>	<b>429.170.290.067</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 30 tháng 9 năm 2016		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Thành phẩm	1.470.557.152.046	-	1.146.915.413.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	585.066.571.401	-	788.628.086.433	-	
Nguyên liệu, vật liệu	79.554.206.571	-	61.900.901.677	-	
Hàng hóa	46.812.916.819	-	118.433.451.509	(12.232.234.667)	
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	187.753.169.510	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.181.990.846.837</b>	<b>-</b>	<b>2.303.631.022.819</b>	<b>(12.232.234.667)</b>	

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)	VND
Số đầu kỳ	12.232.234.667	15.416.116.720	
Trừ: Hoàn nhập trong kỳ	(12.232.234.667)	(3.183.882.053)	
Số cuối kỳ	-	12.232.234.667	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>229.456.192.741</u>	<u>80.555.584.123</u>	<u>37.764.033.603</u>	<u>2.207.088.815</u>	<u>377.620.500</u>	<u>350.360.519.782</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	53.137.894.664	59.587.366.930	21.474.373.375	2.207.088.815	377.620.500	136.784.344.284
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Ngày 30 tháng 9 năm 2016	118.631.173.914	71.425.191.511	25.176.390.730	2.192.560.047	355.891.347	217.781.207.549
Khấu hao trong kỳ	<u>11.762.752.071</u>	<u>2.369.026.539</u>	<u>1.427.421.037</u>	<u>14.528.768</u>	<u>21.729.153</u>	<u>15.595.457.568</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>130.393.925.985</u>	<u>73.794.218.050</u>	<u>26.603.811.767</u>	<u>2.207.088.815</u>	<u>377.620.500</u>	<u>233.376.665.117</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>110.825.018.827</u>	<u>9.130.392.612</u>	<u>12.587.642.873</u>	<u>14.528.768</u>	<u>21.729.153</u>	<u>132.579.312.233</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>99.062.266.756</u>	<u>6.761.366.073</u>	<u>11.160.221.836</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>116.983.854.665</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	99.062.266.756	6.761.366.073	11.160.221.836	-	-	116.983.854.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị tiền thuê đất đã chi trả cho các lô đất C10-C12 tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng thuê lại đất số 9/HĐTĐ/HIPC.09 ngày 9 tháng 11 năm 2009 với tổng giá trị 84 tỷ VND.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp giá trị tiền thuê đất nhằm bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	2.146.515.714.097	2.105.015.714.097
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	470.042.400.000	395.942.400.000
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	34.930.400.000	34.930.400.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(36.950.767.659)</u>	<u>(36.950.767.659)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.614.537.746.438</u></b>	<b><u>2.498.937.746.438</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 30 tháng 9 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("VTF") (*)	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc; và gia cầm	Đang hoạt động	90,38	709.730.053.400	90,28	709.730.053.400
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("AGF") (*)	chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	79,58	447.630.839.697	79,58	447.630.839.697
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	phát triển bất động sản	Đang hoạt động	76,00	236.625.000.000	76,00	236.625.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("FMC") (*)	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	54,28	224.708.921.000	54,28	224.708.921.000
Công ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Hùng Vương Bến Tre	chế biến thủy sản	Đang hoạt động	90,00	180.000.000.000	90,00	173.800.000.000
Công ty Cổ phần Châu Âu	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm	Đang hoạt động	90,00	134.400.000.000	80,00	128.000.000.000
Công ty TNHH Châu Á	nuôi trồng thủy sản, chế biến, xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	94,00	128.000.000.000	90,00	114.100.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Xuất Khẩu Tác Vân	sản xuất, chế biến và xuất khẩu tôm sú	Đang hoạt động	62,16	53.420.900.000	62,16	53.420.900.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc; và gia cầm	Đang hoạt động	51,00	32.000.000.000	51,00	17.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.146.515.714.097</b>		<b>2.105.015.714.097</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(2.623.849.659)		(2.623.849.659)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>				<b>2.143.891.864.438</b>		<b>2.102.391.864.438</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã thế chấp 4.200.000 cổ phiếu VTF, 19.000.000 cổ phiếu AGF và 5.100.000 cổ phiếu FMC để đảm bảo cho các khoản trái phiếu của Công ty (Thuyết minh số 19.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 30 tháng 9 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	48,00	288.000.000.000	48,00	240.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	40,00	100.000.000.000	38,64	69.900.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương - Vĩnh Long	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	Đang hoạt động	38,75	31.000.000.000	38,75	31.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Đang hoạt động	60,00	30.000.000.000	60,00	30.000.000.000
Công Ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long	sản xuất, chế biến, mua bán, bảo quản thủy sản	Đang hoạt động	31,67	19.000.000.000	31,67	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương - An Giang	hoạt động của các câu lạc bộ thể thao và các cơ sở thể thao	Đang hoạt động	48,00	2.042.400.000	48,00	2.042.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư HM	chế biến thức ăn thủy sản	Chưa hoạt động	0,00	-	0,40	4.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>470.042.400.000</b>		<b>395.942.400.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(2.042.400.000)		(2.042.400.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>				<b>468.000.000.000</b>		<b>393.900.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.3 Đầu tư dài hạn khác**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 30 tháng 9 năm 2016		
	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
	VND		%	VND		%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	32.690.400.000	2.724.200	18,16	32.690.400.000	2.724.200	18,16
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	2.240.000.000	224.000	0,75	2.240.000.000	224.000	0,75
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.930.400.000</b>			<b>34.930.400.000</b>		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(32.284.518.000)			(32.284.518.000)		
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>2.645.882.000</b>			<b>2.645.882.000</b>		

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>414.351.006</b>	<b>2.305.980.712</b>
Công cụ và dụng cụ	218.181.819	-
Tiền thuê ao trả trước	-	1.405.211.363
Khác	196.169.187	900.769.349
<b>Dài hạn</b>	<b>41.406.678.957</b>	<b>43.176.631.149</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	39.877.152.730	40.829.005.681
Công cụ và dụng cụ	1.518.767.659	1.321.790.237
Khác	10.758.568	1.025.835.231
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.821.029.963</b>	<b>45.482.611.861</b>

(\*) Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	2.885.454.344.457	1.937.058.262.086
Bên thứ ba	1.491.745.037.740	1.584.178.647.167
<i>Peter Cremer GMBH</i>	55.628.342.995	353.901.120.600
<i>Nhà cung cấp khác</i>	<u>1.436.116.694.745</u>	<u>1.230.277.526.567</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.377.199.382.197</u></b>	<b><u>3.521.236.909.253</u></b>

Chi tiết các khoản phải trả người bán được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Nhà cung cấp trong nước	4.314.858.979.663	2.915.102.282.958
Nhà cung cấp nước ngoài	<u>62.340.402.534</u>	<u>606.134.626.295</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.377.199.382.197</u></b>	<b><u>3.521.236.909.253</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	2.737.831	27.132.257

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Bên thứ ba	15.010.255.401	535.667.169.439
<i>Công ty TNHH Cowin Việt Nam</i>	-	478.590.519.250
<i>Khách hàng khác</i>	15.010.255.401	57.076.650.189
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	<u>20.932.371.245</u>	<u>24.498.632.608</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.942.626.646</u></b>	<b><u>560.165.802.047</u></b>

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Khách hàng trong nước	30.399.067.989	556.858.968.167
Khách hàng nước ngoài	<u>5.543.558.657</u>	<u>3.306.833.880</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.942.626.646</u></b>	<b><u>560.165.802.047</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	245.439	147.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ**

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	<u>5.121.701.481</u>	<u>449.970.658</u>	<u>4.847.118.972</u>	<u>724.553.167</u>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	110.968.205.048	22.458.550.510	14.929.980.588	118.496.774.970
Thuế nhập khẩu	33.988.803.851	11.310.119.289	-	45.298.923.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.669.561.078	-	-	17.669.561.078
Khác	-	138.961.000	-	138.961.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>162.626.569.977</b></u>	<u><b>33.907.630.799</b></u>	<u><b>14.929.980.588</b></u>	<u><b>181.604.220.188</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Chi phí lãi vay	58.317.209.773	63.637.628.313
Hàng nhận chưa có hóa đơn	12.720.695.723	27.632.818.720
Thưởng hiệu quả	3.480.000.000	4.640.000.000
Khác	2.545.691.784	7.428.633.479
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.063.597.280</u></b>	<b><u>103.339.080.512</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Tạm ứng hoàn lại phải trả	121.203.661.836	116.355.197.607
Nhận ký quỹ ngắn hạn	90.000.000.000	72.000.000.000
Chi phí trả hộ	-	2.723.318.858
Khác	17.186.202.188	5.684.839.233
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>228.389.864.024</u></b>	<b><u>196.763.355.698</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	223.213.242.936	190.916.583.289
<i>Bên thứ ba</i>	5.176.621.088	5.846.772.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đánh giá lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>					
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	3.007.307.100.222	4.088.414.656.207	(4.465.522.921.845)	1.860.550.336	2.632.059.384.920
Thấu chi ngân hàng	8.757.836.931	-	(8.757.836.931)	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	359.999.999.996	352.851.739.685	(318.343.402.167)	-	394.508.337.514
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.376.064.937.149</b>	<b>4.441.266.395.892</b>	<b>(4.792.624.160.943)</b>	<b>1.860.550.336</b>	<b>3.026.567.722.434</b>
<b>Dài hạn</b>					
Trái phiếu (Thuyết minh số 19.2)	349.538.544.022	3.313.195.663	(352.851.739.685)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Vay VND	1.478.053.523.047	-	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2017 đến 29 tháng 3 năm 2018	7 - 7,92	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng này; các khoản phải thu khách hàng của Công ty
Vay USD	30.406.676.375	1.335.383	27 tháng 7 năm 2017	3,8	
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi</b>					
Vay VND	1.070.459.331.798	-	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	5,1 - 6,3	Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất, máy móc và thiết bị sở hữu bởi Công ty
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Chợ Lớn</b>					
Vay VND	13.079.858.760	-	Từ ngày 20 tháng 11 năm 2017 đến ngày 6 tháng 12 năm 2017	7,5	Quyền sử dụng đất tại lô số 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang sở hữu bởi Công ty
Vay USD	5.059.994.940	222.222	Từ ngày 9 tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017	3,2	
<b>Ngân hàng United Overseas - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Vay VND	35.000.000.000	-	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 18 tháng 10 năm 2017	5,75	Khoản bảo lãnh cá nhân với giá trị 3 triệu USD bởi ông Tổng Giám đốc và hàng tồn kho với giá trị không dưới 3 triệu USD của Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.632.059.384.920</b>	<b>1.557.605</b>			





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.2 Trái phiếu**

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	33.208.571.432	Trái phiếu kỳ hạn 3 năm, nợ gốc từng phần thanh toán hàng tháng, lãi trả hàng quý, từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 10 năm 2017	10,50	Bảo lãnh bởi VTF
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	272.300.964.507	Trái phiếu kỳ hạn 3 năm, nợ gốc từng phần và lãi thanh toán 6 tháng/lần, vào ngày 14 tháng 11 năm 2017	8,50	Quyền sử dụng đất sở hữu bởi Công ty; 19.000.000 cổ phiếu AGF; 5.100.000 cổ phiếu FMC và 4.200.000 cổ phiếu VTF
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	88.998.801.575	Trái phiếu kỳ hạn 3 năm, nợ gốc từng phần và lãi thanh toán 3 tháng/lần, từ ngày 29 tháng 8 năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2018	9,00	Bảo lãnh bởi 20.000.000 cổ phiếu HVG thuộc sở hữu của Tổng Giám đốc
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>394.508.337.514</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	-			
<i>Trái phiếu đến hạn</i>	394.508.337.514			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	1.891.993.320.000	62.796.819.000	-	143.688.254.234	(101.258.525.545)	1.997.219.867.689
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	378.398.660.000	-	-	-	(378.398.660.000)	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(50.963.000.000)	-	-	(50.963.000.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(42.177.501.979)	(42.177.501.979)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(140.000.000.000)	140.000.000.000	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>2.270.391.980.000</u>	<u>62.796.819.000</u>	<u>(50.963.000.000)</u>	<u>3.688.254.234</u>	<u>(381.834.687.524)</u>	<u>1.904.079.365.710</u>
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	2.270.391.980.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(395.480.070.193)	1.890.433.983.041
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(38.189.087.936)	(38.189.087.936)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.270.391.980.000</u>	<u>62.796.819.000</u>	<u>(50.963.000.000)</u>	<u>3.688.254.234</u>	<u>(433.669.158.129)</u>	<u>1.852.244.895.105</u>

(\*) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 20% trên số lượng cổ phiếu phổ thông tại ngày này. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2015 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 7985/UBCK/QLPH vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đã góp của Công ty đã tăng từ 1.891.993.320.000 VND lên 2.270.391.980.000 VND và đã được phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 14 tháng 4 năm 2016. Số cổ phiếu bổ sung đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt niêm yết theo Quyết định số 140/QĐ-SGDHCM vào ngày 1 tháng 4 năm 2016. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã làm âm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công ty. Tại ngày của báo cáo này, Công ty đã xây dựng và đang thực hiện một kế hoạch chi tiết để khắc phục việc lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm thông qua việc dự kiến tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty và điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	2.270.391.980.000	1.891.993.320.000
Tăng trong kỳ	-	378.398.660.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.270.391.980.000</b>	<b>2.270.391.980.000</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	378.398.660.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Cổ phiếu được phép phát hành	227.039.198	227.039.198
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	227.039.198	227.039.198
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	227.039.198	227.039.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>6.334.398.396.396</b>	<b>6.101.675.405.311</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	2.371.900.453.596	1.507.658.359.965
Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.980.416.965.863	1.554.779.386.962
Doanh thu nội địa - hàng hóa	1.841.242.745.484	2.875.060.953.100
Doanh thu nội địa - phụ phẩm chế biến, doanh thu gia công và dịch vụ khác	140.838.231.453	164.176.705.284
<b>Trừ:</b>	<b>(71.317.715.514)</b>	<b>(13.771.974.077)</b>
Hàng bán bị trả lại	(70.725.963.404)	(11.781.940.250)
Giảm giá hàng bán	(591.752.110)	(1.990.033.827)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>6.263.080.680.882</u></b>	<b><u>6.087.903.431.234</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	2.301.174.490.192	1.507.658.359.965
Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.979.825.213.753	1.541.007.412.885
Doanh thu nội địa - hàng hóa	1.841.242.745.484	2.875.060.953.100
Doanh thu nội địa - phụ phẩm chế biến, doanh thu gia công và dịch vụ khác	140.838.231.453	164.176.705.284
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	3.782.452.563.771	3.401.215.832.654
Doanh thu đối với bên liên quan	2.480.628.117.111	2.686.687.598.580

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
Cổ tức được chia	190.335.358.598	125.422.668.706
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm	26.114.994.166	32.582.705.110
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.321.230.372	2.768.357.901
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.002.062.426	2.550.261.636
Hoàn nhập cổ tức	-	(37.748.271.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>224.773.645.562</u></b>	<b><u>125.575.722.353</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
		VND
Giá vốn bán nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	2.223.771.883.146	1.508.501.447.148
Giá vốn bán xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	1.841.458.513.717	1.563.449.998.331
Giá vốn bán nội địa - hàng hóa	1.914.990.193.748	2.572.140.995.258
Giá vốn bán nội địa - phụ phẩm chế biến, giá vốn gia công và dịch vụ khác	140.673.721.624	174.504.814.421
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.120.894.312.235</u></b>	<b><u>5.818.597.255.158</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí lãi vay	134.941.546.744	168.930.424.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm	56.241.168.998	47.465.868.742
Khác	5.415.595.455	2.756.100.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>196.598.311.197</u></b>	<b><u>219.152.393.771</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>156.100.807.518</b>	<b>188.119.362.819</b>
Chi phí vận chuyển	134.999.682.770	166.413.051.606
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.590.794.555	5.590.794.555
Phí hoa hồng	5.006.130.644	4.165.256.428
Chi phí khác	10.504.199.549	11.950.260.230
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>47.375.288.817</b>	<b>36.689.389.408</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.851.246.246	6.074.384.984
Chi phí nhân công	11.754.784.143	11.559.002.852
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.779.654.571	10.107.024.639
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.454.872.232	2.366.593.976
Chi phí khác	18.534.731.625	6.582.382.957
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>203.476.096.335</u></b>	<b><u>224.808.752.227</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	5.951.966.093.631	5.834.533.442.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.759.794.314	321.201.482.523
Chi phí nhân công	47.647.909.340	51.121.194.215
Chi phí khấu hao và hao mòn	15.670.577.184	17.356.353.907
Chi phí khác	9.403.513.109	21.183.038.734
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.348.447.887.578</u></b>	<b><u>6.245.395.511.768</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(404.136.103)</u>	<u>6.219.964.104</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(37.784.951.833)</u></b>	<b><u>(48.397.466.083)</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(7.556.990.367)	(9.679.493.217)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	714.617.739	256.201.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(38.067.071.720)	(25.084.533.741)
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	45.318.887.651	40.132.504.444
Khác	(813.579.406)	595.285.172
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN</b>	<b><u>(404.136.103)</u></b>	<b><u>6.219.964.104</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lỗ chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**26.3 Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 685.024.591.367 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 458.430.153.112 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Chi tiết các khoản lỗ tính thuế chuyển sang năm sau như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017
2013	2018	161.744.745.611	-	-	161.744.745.611
2014	2019	21.091.452.304	-	-	21.091.452.304
2015	2020	111.072.397.048	-	-	111.072.397.048
2016	2021	164.521.558.149	-	-	164.521.558.149
2017	2022	226.594.438.255	-	-	226.594.438.255
		<b>685.024.591.367</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>685.024.591.367</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các kỳ trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận cho một phần giá trị lỗ tính thuế theo ước tính Ban Giám đốc về thu nhập chịu thuế có thể phát sinh trong tương lai để sử dụng khoản lỗ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.4 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
Lỗ tính thuế	41.010.135.465	41.010.135.465	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(524.426.363)	(859.444.168)	335.017.805	8.304.884.388
Chi phí phải trả	1.316.130.547	2.055.284.455	(739.153.908)	(2.084.920.284)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b>41.801.839.649</b>	<b>42.205.975.752</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(404.136.103)</b>	<b>6.219.964.104</b>

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
Lương và các chi phí liên quan	-	985.177.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)</i>
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Bán cá nguyên liệu và hàng hóa	671.984.471.350	621.581.869.250
		Mua thành phẩm và hàng hóa	653.646.044.426	496.429.769.495
		Cổ tức	53.802.367.270	24.187.518.089
		Phí dịch vụ gia công	34.833.445.520	23.565.389.906
		Nhận tiền đặt cọc mua cá	18.000.000.000	-
		Mua phụ phẩm	12.738.370.796	1.194.146.425
		Bán thành phẩm	1.734.361.500	-
Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Mua thành phẩm và hàng hóa	622.198.915.520	253.630.466.101
		Bán cá nguyên liệu và thành phẩm, máy móc	411.627.017.550	175.539.803.550
		Lợi nhuận được chia	56.370.626.800	-
		Phí dịch vụ gia công	40.501.451.908	15.658.260.078
		Tạm ứng hoàn lại phải thu	9.400.000.000	400.000.000
		Thanh lý tài sản cố định	-	1.025.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa	433.067.175.400	-
		Mua thức ăn cho cá	215.017.802.200	1.691.904.000
		Tạm ứng hoàn lại phải trả	44.000.000.000	-
		Mượn nguyên liệu	12.009.581.100	-
		Hoàn nhập cổ tức	-	37.748.271.000
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	78.158.769.600	37.993.847.500
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Phí dịch vụ gia công	48.598.828.960	63.045.616.920
		Chi phí trả hộ	21.837.943.446	13.084.128.893
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua thức ăn cho cá	697.000.000	877.500.000
		Bán hàng hóa	-	370.560.000
		Chi phí trả hộ	-	83.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Mua cá nguyên liệu và hàng hóa	88.126.564.680	6.912.579.972
		Mua thành phẩm và cá giống	49.532.828.534	41.597.881.950
		Doanh thu dịch vụ	52.638.807	103.127.477
		Phí dịch vụ	14.373.000	8.722.000
		Cổ tức	-	55.926.562.500
		Bán cá nguyên liệu và thành phẩm	-	22.863.186.800
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Mua thành phẩm	2.007.082.800	-
		Cổ tức	1.851.695.248	-
		Doanh thu dịch vụ	270.029.179	704.337.195
		Bán hàng hóa	-	48.742.860.812
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu	678.136.011.662	432.117.853.575
		Tạm ứng hoàn lại phải thu	30.000.000.000	-
		Chi phí thuê	3.773.424.546	6.583.845.455
		Doanh thu cho thuê	40.909.095	40.909.095
		Bán hàng hóa	-	275.359.910.280
		Mượn cá nguyên liệu	-	19.347.261.150
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Bán cá nguyên liệu và hàng hóa	321.495.252.900	168.791.988.200
		Mua thành phẩm	315.759.514.360	182.763.821.780
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	251.140.879.945	305.360.858.880
		Bán cá nguyên liệu và thành phẩm	192.756.583.400	162.606.033.580
		Đặt cọc mua cá nguyên liệu	20.000.000.000	-
		Phí dịch vụ gia công	11.736.558.770	11.737.976.000
		Chi phí thuê	756.000.000	756.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	212.116.492.000	121.842.850.000
		Bán hàng hóa	56.160.900.600	46.099.508.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Chưa soát xét)
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Bán cá nguyên liệu và hàng hóa	191.979.054.950	218.217.594.200
		Mua thành phẩm	189.801.988.430	218.270.257.920
		Mua phụ phẩm	38.758.314.839	44.127.373.923
		Chi phí trả hộ	22.912.206.968	25.291.435.690
		Doanh thu cho thuê	450.000.000	450.000.000
		Cổ tức công bố	-	7.314.740.617
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mua hàng hóa	190.016.096.750	330.535.326.000
		Bán hàng hóa	104.239.171.638	684.498.951.910
		Mượn hàng hóa	-	57.618.180.000
		Bán máy móc	-	8.950.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa và thành phẩm	142.467.545.958	-
		Bán hàng hóa	74.250.785.852	22.652.171.868
		Cổ tức công bố	-	26.300.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	140.972.270.000	132.890.084.000
		Mua thức ăn thủy sản	26.650.032.000	-
		Bán hàng hóa	7.719.844.090	197.615.335.610
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Bán phụ phẩm	12.799.920.800	-
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hùng Vương	Bên liên quan	Mua bảo hiểm hàng hóa	5.040.495.692	6.945.034.178
		Cổ tức công bố	151.899.680	-
		Mua bảo hiểm xe	15.923.484	51.339.454
Công ty Cổ phần Giống Hùng Vương Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải thu	500.000.000	1.950.000.000
Công ty TNHH An Lạc	Bên liên quan	Bán phụ phẩm	-	31.143.779.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Doanh thu cho thuê	342.038.835.959 40.909.095	497.484.745.054 660.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	178.905.327.493	213.422.255.770
Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa Bán máy móc Bán thành phẩm	143.777.888.350 9.061.350.000 4.345.000.000 -	33.330.598.050 4.177.426.000 4.345.000.000 38.248.061.750
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa Bán thành phẩm	149.430.096.100 5.239.737.500 1.734.361.500	122.649.987.300 19.649.375.000 673.622.960
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	133.162.155.053	145.143.655.624
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Bên liên doanh	Bán cá nguyên liệu	127.330.433.013	124.083.052.893
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	48.885.233.675	141.243.455.075
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa	14.251.009.151 5.951.600.000	25.110.586.251 5.900.510.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Bán thức ăn thủy sản	585.600.000	6.094.274.500
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Bán máy móc Cung cấp dịch vụ Bán tôm	4.989.600.000 543.514.271 -	4.989.600.000 372.772.216 40.652.541.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa Bán máy móc	1.217.822.982 -	743.369.887.824 9.845.000.000
Công ty TNHH An Lạc	Bên liên quan	Bán phụ phẩm	499.920.800	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Cung cấp dịch vụ Bán cá nguyên liệu	55.270.748 -	- 22.201.134.063
			<b>1.172.045.665.690</b>	<b>2.203.647.542.096</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Giống Hùng Vương Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng	7.250.000.000	7.250.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua hàng	-	28.418.661.329
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Công ty liên kết	Mua hàng	-	3.250.335.903
			<b>7.250.000.000</b>	<b>38.918.997.232</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải thu Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	107.724.076.674 30.000.480.758	107.724.076.674 30.000.480.758
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	111.161.780.100	111.161.780.100
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải thu	64.687.674.850	74.687.674.850
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Cổ tức Tạm ứng hoàn lại phải thu	32.000.000.000 12.894.618.187	23.000.000.000 12.894.618.187
Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Lợi nhuận được chia Tạm ứng hoàn lại phải thu	43.970.626.800 800.000.000	- 403.109.830
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Cổ tức	24.668.205.353	37.660.254.583
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu Cổ tức	19.209.782.050 4.000.000.000	22.077.782.050 4.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống Hùng Vương Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải thu	22.704.930.556	22.204.930.556
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Bên liên doanh	Cổ tức Chi hộ	10.410.701.730 10.186.805.310	10.410.701.730 -
Công ty TNHH Nhà Hàng King Palace	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Chi hộ	7.686.407.675	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Cổ tức	810.315.270	294.142.522
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Cổ tức Tạm ứng hoàn lại phải thu	413.969.925 -	413.969.925 20.438.795.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Chi hộ	160.600.614	160.600.614
			<b>523.490.975.852</b>	<b>497.532.917.379</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu	560.871.936.455	463.810.331.493
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Mua thành phẩm	480.270.899.259	369.706.534.901
		Phí dịch vụ gia công	34.833.445.520	-
		Mua phụ phẩm	12.738.370.796	-
		Mua hàng hóa	438.700.000	-
		Khác	53.055.000	-
Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Mua thành phẩm	419.228.669.823	172.290.099.959
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	256.125.653.635	294.574.907.275
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Bên liên doanh	Mua thành phẩm	153.060.955.230	146.774.966.800
		Mua phụ phẩm	43.935.860.680	33.057.545.841
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mua hàng hóa	188.700.744.713	-
		Mua lúa mì	-	293.339.417.963
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	162.142.370.010	28.440.068.010
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	150.276.850.464	22.110.358.464
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Mua hàng hóa	88.126.564.680	-
		Mua cá nguyên liệu	46.532.973.420	-
		Mua thành phẩm	1.836.129.200	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Mua tôm	68.180.618.400	-
		Mua thành phẩm	33.636.591.655	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b> (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty con	Mua lúa mì	78.499.950.800	5.227.674.000
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	57.711.205.326	-
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Phí dịch vụ gia công	35.376.242.937	63.827.472.527
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua cá giống	3.641.232.850	8.452.907.350
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương An Giang	Công ty con	Tài trợ bóng đá	6.350.760.000	6.350.760.000
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Mua hàng hóa	2.643.663.040	27.859.788.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hùng Vương	Bên liên quan	Mua bảo hiểm hàng hóa	240.900.564	1.235.429.503
			<b>2.885.454.344.457</b>	<b>1.937.058.262.086</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Ứng tiền mua cá	14.130.322.037	-
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Ứng tiền mua cá	3.171.601.200	23.868.184.600
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Ứng tiền mua tôm	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hùng Vương	Bên liên quan	Ứng tiền thực hiện dịch vụ	630.448.008	630.448.008
			<b>20.932.371.245</b>	<b>24.498.632.608</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Nhận đặt cọc	90.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải trả	41.404.200.000	41.404.200.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	34.145.000.000	34.145.000.000
Công ty TNHH An Lạc	Bên liên quan	Tạm ứng hoàn lại phải trả	24.240.000.000	24.240.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải trả	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	12.009.581.100	-
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	1.414.461.836	15.565.997.607
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Bên liên doanh	Chi hộ	-	2.561.385.682
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	1.000.000.000
			<b>223.213.242.936</b>	<b>190.916.583.289</b>
<b>Tổng phải trả các bên liên quan</b>			<b>3.129.599.958.638</b>	<b>2.152.473.477.983</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
và vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết góp vốn***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con như sau:

	<i>Theo GCNĐKDD</i>		<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>	<i>Vốn điều lệ chưa góp</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	20.000.000.000	80.00	-	20.000.000.000

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 16.243.978.207 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 16.243.978.207 VND) liên quan đến việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (*Thuyết minh số 11*).

**29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Ngoại tệ:		
- USD	1.645.146	4.016.036
- EUR	380	387

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017